

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 - LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LAI CHÂU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lý Đức Hiệp**;

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lù Thanh Xá**;

2. Bà **Lý Thị The**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thào Thị Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự sau:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị L**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản Nậm Cầy, xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là bản Nậm Cầy, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu)

(Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

2. Bị đơn: Anh **Mào Văn H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản Nậm Hải, xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là bản Nậm Hải, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu)

(Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày **12/5/2025** và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Lường Thị L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Mào Văn H** đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nậm

Hàng, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là UBND xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu) vào ngày 09/6/2020. Sau khi kết hôn, chị và anh H chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên chơi bời, nghiện hút ma túy không chịu tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi vã kéo dài và không có tiếng nói chung. Mặc dù chị và gia đình hai bên nội ngoại cũng đã nhiều lần khuyên bảo để anh H thay đổi nhưng không có kết quả. Đến nay chị và anh H đã sống ly thân được 02 năm. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mào Văn H.

Về con chung: Chị và anh Mào Văn H có 01 con chung tên là Mào Anh Đ, sinh ngày 20/7/2020. Nguyên vọng của chị L là giao cháu Mào Anh Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi cháu Đ trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lường Thị L và anh Mào Văn H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lường Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc ở xa nên chị Lường Thị L không thể tham gia phiên tòa xét xử vì vậy chị L đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

\* Theo các lời khai có trong hồ sơ, bị đơn anh Mào Văn H trình bày:

Anh và chị Lường Thị L về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/6/2020 tại UBND xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là UBND xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu). Việc kết hôn giữa anh và chị Lường Thị L là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Đến cuối năm 2022 thì chị L bỏ nhà, bỏ con nói là đi làm Công ty cùng với bà ngoại nhưng khi đến chỗ làm thì chị L lại đi chỗ khác không làm chung với bà ngoại nữa. Làm được một tháng sau bà ngoại về nhà rồi nhưng chị L vẫn không về cùng bà và đi kéo dài hơn một năm. Giờ chị L quay về đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì quan điểm của anh không nhất trí vì con cái còn nhỏ, anh H không muốn gây ảnh hưởng đến tư tưởng của con chung và mong muốn Tòa án xem xét, hòa giải cho vợ chồng anh, chị để quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Trường hợp phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Mào Anh Đ, sinh ngày 20/7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lường Thị L và anh Mào Văn H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, anh Mào Văn H đã có văn bản trả lời Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và được Tòa án triệu tập đến làm việc, đã có biên bản lấy lời khai. Tuy nhiên quá trình về sau anh H không đến Tòa án để làm việc theo giấy

triệu tập, thông báo mở phiên họp Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

\* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi Thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng, đảm bảo quyền nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35; 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025); Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Lường Thị L được ly hôn với anh Mào Văn H.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Mào Anh Đ, sinh ngày 20/7/2020 cho anh Mào Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lường Thị L và anh Mào Văn H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Do chị Lường Thị L và anh Mào Văn H không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết

Về án phí: Nguyên đơn chị Lường Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, xét yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị L là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Mào Văn H có đăng ký thường trú tại bản Nậm Hải, xã Mường Mô, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là bản Nậm Hải, xã Mường Mô, tỉnh Lai Châu) vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về điều luật áp dụng: Chị L và anh H kết hôn năm 2020 nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[1.4] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc anh H không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự là do anh H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Ngày 08/8/2025 Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh H tiếp tục vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Mào Văn H.

**[2] Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào lời trình bày của chị Lương Thị L và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L và anh Mào Văn H tự nguyện kết hôn được UBND xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là UBND xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/6/2020. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên chơi bời, nghiện hút ma túy không chịu tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi vã kéo dài, không có tiếng nói chung. Về phía anh H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L bỏ nhà đi làm Công ty hơn một năm mới quay về rồi đòi ly hôn đối với anh nên quan điểm của anh là không nhất trí ly hôn với chị L. Mặc dù chị L, anh H đều đưa ra nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau nhưng cả hai đều xác định là có mâu thuẫn, cãi vã và thực tế chị L, anh H hiện nay đã sống ly thân, không còn ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập nên càng làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng dạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy việc chị L, anh H đã sống ly thân từ năm

2022 thể hiện việc cả hai anh, chị đã vi phạm nghĩa vụ của người vợ, người chồng, dẫn đến không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình với nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn cương quyết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mào Văn H để giải phóng bản thân chị khỏi cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H vắng mặt tại phiên họp Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt phiên tòa xét xử không có lý do. Điều này thể hiện sự không thiện chí trong việc hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, cũng như việc tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, phải có thái độ tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, trong cuộc sống. Để đảm bảo quyền lợi cho chị Lường Thị L và giải phóng cho chị khỏi cuộc sống hôn nhân khi mà anh H không đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn gia đình ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Lường Thị L và anh Mào Văn H có 01 con chung tên là Mào Anh Đ, sinh ngày 20/7/2020. Hiện nay cháu Đ đang ở với chị L tại bản Nậm Cầy, xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là bản Nậm Cầy, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu). Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng giao cháu Mào Anh Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh H cũng có nguyện vọng là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu Đ trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tại Biên bản lấy lời khai của chị L ngày 20/5/2025 thể hiện trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh H vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm con chung và đưa đón cháu Đ qua lại hai bên gia đình nội ngoại cho thấy mặc dù vợ chồng sống ly thân nhưng anh H vẫn luôn yêu thương, quan tâm và có trách nhiệm đối với con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung là cháu Mào Anh Đ, sinh ngày 20/7/2020 đều được cả anh H, chị L yêu thương, quan tâm, chăm sóc và phát triển khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần. Xét nguyện vọng của chị L là giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là hợp pháp và nguyện vọng của anh H là được trực tiếp nuôi dạy cháu Mào Anh Đ là chính đáng vì anh H có chỗ ở, thu nhập ổn định khoảng 6.000.000 đồng/tháng nên sẽ đảm bảo điều kiện tốt hơn so với chị L đang đi làm ăn xa. Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của chị L và anh H: Giao con chung cháu Mào Anh Đ, sinh ngày 20/7/2020 cho anh Mào Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lường Thị L có quyền đi lại, thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lương Thị L và anh Mào Văn H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35; 39; khoản 4 Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025);

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L được ly hôn với anh Mào Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Mào Anh Đ, sinh ngày 20/7/2020 cho anh Mào Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lương Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Lương Thị L và anh Mào Văn H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lương Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0000484** ngày **19/5/2025** tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Chị Lương Thị L đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Lai Châu;
- UBND xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ. /.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lý Đức Hiệp**